

**QUYẾT ĐỊNH**

**CÔNG BỐ CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC  
HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

- Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/1/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;
- Căn cứ vào năng lực thiết bị và nhân lực của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng 819;

**I. Thông tin tổ chức hoạt động thí nghiệm:**

- Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 819
- Mã số doanh nghiệp: **0104630609**
- Địa chỉ trụ sở: Phòng 107, tập thể TX92, ngõ 55, phố Nguyễn Huệ Kontum, Phường Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: 0989790295
- Web: <https://xaydung819.com> - Email: 819company@gmail.com

**II. Thông tin phòng thí nghiệm:**

- Tên phòng thí nghiệm: PHÒNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG
- Địa chỉ Phòng thí nghiệm: LK08 - No13 Khu Đồng Dừa, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội
- Trưởng phòng thí nghiệm: Hoàng Kim Khánh
- Web: <https://xaydung819.com> - Email: 819company@gmail.com
- Mã số phòng thí nghiệm được cấp: LAS-XD 24.046
- Được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số: 27/GCN-BXD(GDCL) ngày 27 tháng 05 năm 2024 của Sở Xây dựng Hà Nội cấp;
- Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm và tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng để thực hiện tiêu chí thí nghiệm (Danh mục kèm theo quyết định này).
- Danh mục thiết bị để thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm (Danh mục kèm theo quyết định này).



- Danh mục thí nghiệm viên để thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm (*Danh mục kèm theo quyết định này*).
- Tất cả các nội dung Quyết định này được công bố công khai tại Website: <https://xaydung819.com>

Công ty cổ phần đầu tư xây dựng 819 cam kết thông tin công khai năng lực là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin đã công bố.

**Nơi nhận:**

- Web: <https://xaydung819.com>
- Sở Xây dựng Hà Nội
- Lưu VT

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
XÂY DỰNG 819**



**GIÁM ĐỐC  
HẠ BÁ CAM**

**I. DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM VÀ TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT TƯƠNG ỨNG ĐỂ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**  
(Kèm theo quyết định số: 18/QĐ/CBNL-819, ngày 14/04/2026 của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng 819)

STT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng	Thiết bị	Thí nghiệm viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG, XI MĂNG POỐC LĂNG TRẮNG</b>				
1	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605:2023	Sàng 0,45 $\mu$ m, cân kỹ thuật, đồng hồ bấm giây, bình Le chatelier, nhiệt kế, bể ổn nhiệt	Trần Quang Thanh, Nguyễn Duy Hà, Lê Đình Minh, Luu Kim Trường
2	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:201; TCVN 9488:2012	Tủ dưỡng hộ, máy trộn, khuôn 40x40x160mm, bàn dằn, gá thử uốn, máy thử cường độ nén gá thử nén, cân kỹ thuật, đồng hồ bấm giây	
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015	Cân kỹ thuật, đồng hồ bấm giây, ống đong có vạch chia, máy trộn, thước đo, bộ vicat, dụng cụ Le Chatelier, thùng lọc mẫu	
4	Xác định độ nở Sulfat, độ bền sulfat, chiều dài thanh vữa	TCVN 6068:2020; TCVN 7711:2013; TCVN 7713:2007	Khuôn tạo mẫu, thanh đầm mẫu, máy trộn, cân kỹ thuật, ống đong 250ml, đồng hồ bấm giây, khuôn mẫu lăng trụ, khuôn mẫu lập phương, chày đầm mẫu, dụng cụ đo chiều dài và thanh chuẩn, máy thử độ bền nén, thùng ngâm mẫu, dao bằng thép, đồng hồ đo	
5	Xác định giới hạn bền nén bằng phương pháp nhanh	TCVN 3736:1982	Thùng dưỡng mẫu, máy trộn, khuôn 40x40x160mm, bàn dằn, gá thử	

STT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng	Thiết bị	Thí nghiệm viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
			uốn, máy thử cường độ nén gá thử nén, cân kỹ thuật, đồng hồ bấm giây	
6	Xác định độ nở Autoclave	TCVN 8877:2011	Khuôn tạo mẫu, máy trộn, dụng cụ đo chiều dài và thanh chuẩn, dụng cụ thử độ dẻo tiêu chuẩn, thiết bị autoclave, cân kỹ thuật, ống đong 250ml	
<b>THỬ CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA, CÁT NGHIÊN</b>				
7	Xác định thành phần hạt	TCVN 7572-2:2006	Cân kỹ thuật, bộ sàng tiêu chuẩn, máy lắc sàng, tủ sấy	Trần Quang Thanh, Nguyễn Duy Hà, Lê Đình Minh, Lưu Kim Trường
8	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006	Cân kỹ thuật, tủ sấy, bình dung tích, thùng ngâm mẫu, côn thử độ sụt của cốt liệu, phễu, que chọc, bình hút ẩm, sàng	
9	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc	TCVN 7572-5:2006	Cân kỹ thuật, giỏ đựng mẫu, thước kẹp, tủ sấy	
10	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006	Thùng đong, cân kỹ thuật, phễu chứa vật liệu, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy, thước lá kim loại	
11	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006	Cân kỹ thuật, tủ sấy	
12	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006	Cân phân tích, tủ sấy, thùng rửa cốt liệu, đồng hồ bấm giây, tấm kính	
13	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006	Ống đong, cân phân tích, bếp cách thủy, sàng có kích thước lỗ 20 mm, thang màu để so	

STT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng	Thiết bị	Thí nghiệm viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
			sánh	
14	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006	Máy nén thủy lực, máy khoan và máy cắt, máy mài, thước kẹp, thùng ngâm mẫu	
15	Xác định độ nén đập và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006	Máy nén, cân kỹ thuật, sàng, tủ sấy, thùng ngâm mẫu	
16	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy mài mòn và đập Los Angeles	TCVN 7572-12:2006	Máy Los Angeles, cân kỹ thuật, bộ sàng, tủ sấy	
17	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006	Cân kỹ thuật, thước kẹp cái điện, bộ sàng, tủ sấy	
18	Xác định khả năng phản ứng kiềm - silic	TCVN 7572-14:2006	Cân phân tích, tủ sấy, lò nung, búa, cối chày bằng đồng sàng, bình thủy tinh, máy hút chân không, hóa chất, nước cất	
19	Xác định hàm lượng clorua	TCVN 7572-15:2006	Máy khoan, máy cắt, thìa, giấy bóng kính, búa, cối chày bằng đồng, sàng, cân phân tích, tủ sấy, bếp điện, hoá chất	
20	Xác định hàm lượng sulfat và sulfit trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-16:2006	Cân phân tích, sàng 5mm, bình hút âm, tủ sấy, cốc nung, bếp điện, lò nung, máy lắc sàng, bình định mức, hóa chất	
21	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572-17:2006	Cân kỹ thuật, tủ sấy, bộ sàng tiêu chuẩn, kim sắt	
22	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006	Cân kỹ thuật, kính lúp	
23	Xác định hàm lượng silic oxit vô định hình	TCVN 7572-19:2006	Sàng tiêu chuẩn, cân phân tích, lò nung, tủ sấy, bếp cách thủy, bình định mức, phễu, chén sứ, hóa chất	

STT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng	Thiết bị	Thí nghiệm viên	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	
24	Xác định hàm lượng mi ca trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20:2006	Cân phân tích, tủ sấy, bộ sàng, giấy nhám, đĩa thủy tinh		
25	Xác định Hệ số (ES)	AASHTO T 176	Bộ dụng cụ đưng lượng cát, hộp đong, sàng 4,75mm, phễu, chảo		
26	Xác định độ ẩm, độ hút nước, khối lượng thể tích, độ bền cắt, bền nén của đá	TCVN 10321:2014; TCVN 10322:2014	Tủ sấy, cân kỹ thuật, hộp đưng mẫu, búa sắt, bình hút ẩm, cân kỹ thuật, máy khoan, máy cắt, máy mài, thước kẹp		
<b>HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG, XÁC ĐỊNH THÀNH PHẦN CẤP PHỐI CHO BÊ TÔNG</b>					
27	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022	Bộ côn thử độ sụt, đồng hồ đo thời gian, thước đo		
28	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:2022	Cân chính xác tới 5g, thùng đong hình trụ, thước lá bằng thép		
29	Phân tích thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3110:2022	Cân kỹ thuật, bộ sàng cát, tủ sấy		
30	Xác định hàm lượng bọt khí	TCVN 3111:2022	Bình thử bọt khí, bàn rung, sàng		
31	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:2022	Cân kỹ thuật, bình dung tích 100 mL, tủ sấy, bếp cách thủy, Sàng, bình hút ẩm	Trần Quang Thanh, Nguyễn Duy Hà, Lê Đình Minh, Lưu Kim Trường	
32	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022	Cân kỹ thuật, thùng ngâm, tủ sấy, bình hút ẩm		
33	Xác định độ mài mòn	TCVN 3114:2022	Máy mài, cân kỹ thuật, thước kẹp		
34	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:2022	Cân kỹ thuật, thước đo (vạch chia 1mm), tủ sấy, bình hút ẩm		
35	Xác định độ chống thấm	TCVN 3116:2022	Máy thử độ chống thấm, khuôn đúc mẫu		
36	Xác định giới hạn bền	TCVN 3118:2022	Máy nén, thước đo		

STT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng	Thiết bị	Thí nghiệm viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	khi nén			
37	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:2022	Máy nén, thước đo	
38	Xác định cường độ kéo khi bừa	TCVN 3120:2022	Máy nén	
39	Xác định thời gian đông kết của bê tông	TCVN 9338:2012	Khuôn chứa mẫu thử, sàng tiêu chuẩn, que chọc, nhiệt kế, Pipet	
<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT, CÁT, CẤP PHỐI ĐÁ DẼM, CẤP PHỐI THIÊN NHIÊN, CẤP PHỐI GIA CÔNG XI MĂNG, CÁT GIA CÔNG XI MĂNG</b>				
40	Xác định khối lượng riêng tỷ trọng	TCVN 4195:2012	Bình tỷ trọng, cân phân tích, tủ sấy, nhiệt kế và bình hút ẩm	
41	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012	Tủ sấy, cân kỹ thuật, bình hút ẩm, cốc thủy tinh, sàng, cốc sứ, chày sứ	
42	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012	Tủ sấy, cân kỹ thuật, bình hút ẩm, cốc thủy tinh, sàng, cốc sứ, chày sứ, dụng cụ quay đập Casagrande, tấm gạt, hộp giữ ẩm	
43	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2012	Bộ sàng, cân, tủ sấy, máy lắc sàng, nhiệt kế, bình hút ẩm, nước cất, dụng cụ trộn mẫu	Trần Quang Thanh, Nguyễn Duy Hà, Lê Đình Minh, Luu Kim Trường, Nguyễn Anh Tú
44	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:1995	Máy cắt phẳng, hộp cắt, bộ tạ, vòng lực, đồng hồ so	
45	Xác định tính nén lún trong điều kiện không hở hông	TCVN 4200:2012	Máy nén có kết cấu dao vòng kim loại, hệ thống gia tải, thiết bị đo biến dạng	
46	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012	Cối, chày đầm sàng, cân kỹ thuật, tủ sấy	
47	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012	Dao vòng, cân kỹ thuật, tủ sấy	
48	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) - Trong	TCVN 12792:2020	Máy nén đa năng, đồng hồ đo biến	

STT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng	Thiết bị	Thí nghiệm viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	phòng thí nghiệm		dạng, cối khuôn CBR, chày đầm, dụng cụ đo trương nở, tầm gia tải thép, tủ sấy, cân, sàng	
49	Thí nghiệm nén 1 trục có nở hông	TCVN 9438:2012	Máy nén 1 trục, cân kỹ thuật, tủ sấy, bộ sàng	
50	Đầm nén đất, đá dăm trong phòng thí nghiệm	TCVN 12790:2020	Cân kỹ thuật, bộ sàng tiêu chuẩn, máy đầm mẫu, khay đựng mẫu, tủ sấy	
51	Xác định đặc trưng tan rã của đất	TCVN 8718:2012	Máy nén, bộ đo trương nở và thước đo	
52	Xác định đặc trưng trương nở của đất	TCVN 8719:2012	Máy nén, bộ đo trương nở và thước đo	
53	Xác định đặc trưng hệ số thấm K đất	TCVN 8723:2012	Bộ thiết bị thấm	
54	Xác định KLTT nhỏ nhất, lớn nhất và độ chặt tương đối của đất	TCVN 8721:2012	Bộ cối đầm, phễu đổ cát, tủ sấy và cân điện tử	
55	Xác định đặc trưng lún ướt của đất	TCVN 8722:2012	Máy nén	
56	Xác định đặc trưng co ngót của đất	TCVN 8720:2012	Máy nén, bộ đo trương nở	
57	Xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	TCVN 8724:2012	Mâm tròn, cọc thép chia vạch	
58	Xác định hàm lượng chất hữu cơ của đất	TCVN 8726:2012	Lò nung, bình hút ẩm, cân điện tử, ống đong thủy tinh	
59	Xác định thành phần và hàm lượng muối hoàn tan	TCVN 8727:2012	Cối chày bằng sứ, sàng phân tích, hộp chia mẫu, cân phân tích, cân kỹ thuật, tủ sấy, bình hút ẩm, bếp cách thủy, phễu lọc, giấy lọc, bình định mức	
60	Thí nghiệm cọc xi măng đất	TCVN 9403:2012	Máy trộn, dụng cụ tạo mẫu, tủ sấy, cân kỹ thuật, máy khoan, máy nén, máy cắt	

STT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng	Thiết bị	Thí nghiệm viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>KIỂM TRA THÉP, NHÔM VÀ VẬT LIỆU KIM LOẠI</b>				
61	Thử kéo thép, nhôm và vật liệu kim loại	TCVN 197:2014	Máy thử kéo - nén - uốn, thước kẹp và thước cuộn	Trần Quang Thanh, Nguyễn Duy Hà, Lê Đình Minh, Nguyễn Anh Tú
62	Thử uốn thép và vật liệu kim loại	TCVN 198:2008; TCVN 6287:1997	Máy thử kéo - nén - uốn, bộ gô uốn, thước đo góc	
63	Thử phá hủy mối hàn - Thử uốn	TCVN 5401:2010	Máy thử kéo - nén - uốn, bộ gô uốn	
64	Thử kéo mối hàn kim loại	TCVN 5403:2010	Máy thử kéo - nén - uốn, thước cặp điện tử	
65	Thử phá hủy mối hàn trên vật liệu kim loại thử kéo ngang	TCVN 8310:2010	Máy thử kéo - nén - uốn, thước kẹp và thước cuộn	
66	Thử phá hủy mối hàn trên vật liệu kim loại thử kéo dọc	TCVN 8311:2010	Máy thử kéo - nén - uốn, thước kẹp và thước cuộn	
67	Thử nén bẹp	TCVN 1830:2008	Máy thử kéo - nén - uốn	
68	Thử nghiệm bu lông, vít, đai ốc, tăng đơ, cóc nối khóa cáp, lực siết bu lông	TCVN 1916:1995; TCVN 197:2014	Máy thử kéo - nén - uốn, bộ kéo bulong, thước kẹp, cân điện tử, cờ lê lực	
69	Thử nghiệm cửa kim loại, cửa gỗ: Độ vuông, độ vênh, độ cong, đóng và mở lặp lại	TCVN 9366-1:2012 TCVN 9366-2:2012	Thước thẳng, thước cuộn, đồng hồ đo chuyển vị, khung cửa	
70	Xác định chiều dày và khối lượng lớp mạ kẽm, lớp sơn	TCVN 5408:2007; TCVN 7665:2007; TCVN 9406:2012	Máy đo chiều dày lớp phủ, hóa chất	
71	Thử cáp dự ứng lực trước	TCVN 6284:1997	Máy kéo, thước kẹp	
72	Ổng bảo ôn: Xác định kích thước, khối lượng riêng	TCVN 4866:2013	Thước kẹp điện tử, bình tỷ trọng, cân kỹ thuật	
73	Thang máng cáp: Kiểm tra kích thước, chiều dày lớp phủ, thử kéo	TCVN 10688:2015; TCVN 197:2018	Máy kéo nén đa năng, máy đo chiều dày lớp phủ, thước kẹp	
74	Nắp hồ ga và song chắn rác: Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan, khả năng chịu tải	TCVN 10333-3:2014; BS EN 124 : 2015	Thước dây, kích thủy lực, khung chịu tải	
75	Kiểm tra không phá hủy	TCVN 4617:1988	Thiết bị phun xịt	

STT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng	Thiết bị	Thí nghiệm viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	- PP thẩm thấu		xách tay được, vải, bàn chải, hoá chất	
76	Kiểm tra không phá hủy mối hàn - PP siêu âm	TCVN 6735:2000	Máy kiểm tra siêu âm, máy dò khuyết tật siêu âm, đầu dò	
77	Kiểm tra không phá hủy mối hàn - PP gõng từ	TCVN 4396 : 1986	Máy dò khuyết tật, bột từ, chổi đánh gỉ	
78	Kiểm tra lưới thép hàn, rọ đá, thảm đá và các sản phẩm lưới lực giác xoắn: Kiểm tra hình dạng kích thước, kích thước mắt lưới kích thước dây, thử kéo, độ giãn dài, khối lượng riêng, module đàn hồi, lực căng, khối lượng lớp mạ	TCVN 9391:2012; TCVN 10335:2014 TCVN 4392:1986	Cân phân tích có độ chính xác 0,1 mg, thước kẹp, nhiệt kế, máy kéo đa năng, dung dịch tẩy	
79	Thử nghiệm khung xương thạch cao: Xác định hình dạng kích thước, độ thẳng, độ vuông góc, khả năng chịu tải trọng	TCVN 12694:2020	Thước kẹp, thước góc, thước eke, thước dây, khung kim loại	
<b>BÊ TÔNG NHỰA VÀ CHẤT KẾT DÍNH</b>				
80	Xác định độ ổn định và độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011	Máy nén Marshall, đầu nén Marshall, đồng hồ đo lực, đồng hồ đo biến dạng, bể ổn nhiệt, bộ khuôn đúc mẫu, đầm mẫu, tủ sấy	Trần Quang Thanh, Nguyễn Duy Hà, Luu Kim Trường, Lê Đình Minh
81	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy li tâm	TCVN 8860-2:2011	Máy chiết ly tâm, vòng đệm giấy lọc, bình đựng dung môi, cân điện tử, tủ sấy, bình tỷ trọng hoặc ống đong, bếp điện, khay nhôm	
82	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011	Bộ sàng tiêu chuẩn, cân điện tử, tủ sấy, khay đựng	
83	Xác định tỉ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011	Bình tỷ trọng, máy hút chân không, bàn rung, cân điện tử, bể ổn nhiệt	

STT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng	Thiết bị	Thí nghiệm viên	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	
84	Xác định tỉ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái đầm nén	TCVN 8860-5:2011	Cân điện tử, thùng đựng, giá treo hoặc giỏ lưới, tủ sấy		
85	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011	Rọ thép, khay hứng, tủ sấy, cân điện tử, nhiệt kế		
86	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011	Ống đồng, phễu, tấm kính, cân kỹ thuật, dao gạt bằng thép, khay đựng		
87	Xác định hệ số độ lu lèn	TCVN 8860-8:2011	Cân điện tử, tủ sấy		
88	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011	Bình tỷ trọng, máy hút chân không và bàn rung, bộ khuôn đúc mẫu và búa đầm Marshall, cân điện tử		
89	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011	Cân điện tử, bình định mức hoặc ống đồng, tủ sấy		
90	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011	Cân điện tử, bình tỷ trọng và máy hút chân không, ống đồng, cân kỹ thuật		
91	Xác định độ ổn định của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011	Máy nén Marshall, bể ổn nhiệt, đồng hồ đo lực và đo biến dạng, bộ khuôn đúc mẫu, tủ sấy, nhiệt kế		
92	Thí nghiệm xác định cường độ kéo khi ép chế của vật liệu hạt liên kết bằng các chất kết dính	TCVN 8862:2011	Máy nén, khuôn đúc, thiết bị ép chế, tủ sấy		
<b>NHỰA BITUM</b>					
93	Xác định độ kim lún, chỉ số kim lún PI, độ tổn thất khối lượng (theo phụ lục II thông tư 27 Bộ GTVT)	TCVN 7495:2005; ASTM D1754	Máy đo độ kim lún, cốc đựng mẫu, bể điều nhiệt, chén trung chuyển, thiết bị bấm giờ, nhiệt kế		Trần Quang Thanh, Nguyễn Duy Hà
94	Xác định độ kéo dài ở 25°C	TCVN 7496:2005	Khuôn đúc mẫu, bể ổn nhiệt, nhiệt kế để kiểm soát nhiệt độ nước		

STT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng	Thiết bị	Thí nghiệm viên	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	
95	Xác định nhiệt độ hóa mềm (PP vòng và bi)	TCVN 7497:2005	Vòng - Bi, bình thủy tinh, khung treo		
96	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498:2005	Thiết bị bắt lửa, nhiệt độ thủy tinh, bật lửa		
97	Xác định lượng tồn thất sau khi đun nóng ở 163°C trong 5h	TCVN 7499:2005	Tủ sấy gia nhiệt, giá quay, nhiệt kế, cốc đựng mẫu, cân phân tích chính xác đến 0,001g		
98	Xác định lượng hòa tan trong Trichloroethylene	TCVN 7500:2023	Khuôn lọc Gooch bằng sứ tráng men, bình Erlenmeyer, tủ sấy		
99	Xác định khối lượng riêng ở 25°C	TCVN 7501:2005	Bình đo tỷ trọng, bể ổn nhiệt, nhiệt kế, Cân phân tích, cốc thủy tinh		
100	Xác định độ nhớt động học	TCVN 7502:2005	Nhớt kế, nhiệt kế, bể, dụng cụ đo thời gian		
101	Xác định hàm lượng Paraphin	TCVN 7503:2005	Bình chưng cất, cốc lọc, tủ sấy, cân phân tích		
102	Xác định độ dính bám đối với đá	TCVN 7504:2005	Dây buộc, Bếp đun, bình thủy tinh, nước cất, nhiệt kế		
<b>NHŨ TƯƠNG A XÍT NHỰA ĐƯỜNG</b>					
103	Xác định độ nhớt Saybolt Furol	TCVN 8817-2:2011	Nhớt kế Saybolt Furol, bể ổn nhiệt, bình đong, đồng hồ bấm giây		Trần Quang Thanh, Nguyễn Duy Hà
104	Xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ	TCVN 8817-3:2011	Bình lưu mẫu thủy tinh, Pipet, cân phân tích, cốc thủy tinh và đĩa thủy tinh, tủ sấy		
105	Xác định lượng hạt quã cỡ (thử nghiệm sàng)	TCVN 8817-4:2011	Sàng tiêu chuẩn sàng có kích thước mắt sàng tiêu chuẩn quy định cốc đựng mẫu/khay, nước cất		
106	Thử nghiệm trộn với xi măng	TCVN 8817-7:2011	Xi măng, cốc trộn, đĩa khuấy, nước		

STT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng	Thiết bị	Thí nghiệm viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
			cát, sàng, tủ sấy, cân kỹ thuật	
107	Thử nghiệm chung cát	TCVN 8817-9:2011	Nồi chưng chất, đèn đốt, đèn dùng để gia nhiệt, ống dẫn, ống ngưng, ống đong, nhiệt kế, cân, ống cao su, sàng	
108	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 8817-14:2011	Cân phân tích, bình đong tiêu chuẩn, bể ổn nhiệt	
<b>NHỰA ĐƯỜNG LỎNG</b>				
109	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 8818-2:2011	Cốc hồ, bể gia nhiệt, cốc mẫu, nguồn nhiệt, thước định chuẩn, chất lỏng gia nhiệt, nhiệt kế	
110	Xác định hàm lượng nước	TCVN 8818-3:2011	Bình chưng cất, bếp gas, ống ngưng, ống hứng, dung môi	
111	Thử nghiệm chung cát	TCVN 8818-4:2011	Bình chưng chất, ống ngưng, ống dẫn hướng, ống thu, vỏ chân, giá đỡ, hộp kim loại	
112	Xác định độ nhớt tuyệt đối (sử dụng nhớt kế mao dẫn chân không)	TCVN 8818-5:2011	Nhớt kế, nhiệt kế, bể ổn nhiệt, dụng cụ đo thời gian, hệ thống hút chân không, chất tẩy rửa	Trần Quang Thanh, Nguyễn Duy Hà
113	Xác định cơ lý nhựa đường Polime: (Xác định: Nhiệt độ hóa mềm, độ kim lún, nhiệt độ bắt lửa, lượng tổn thất, tỉ lệ độ kim lún, Lượng hòa tan trong Trichloroethylene, Khối lượng riêng ở 25°C, Độ dính bám với đá, Độ đàn hồi, độ ổn định, độ nhớt ở 135°C	22TCN 319:2004; TCVN 11193:2021	Máy đo độ kim lún, cốc đựng mẫu, chén trung chuyển, thiết bị bấm giờ, nhiệt kế, khuôn đúc mẫu, bể ổn nhiệt, nhiệt kế, Vòng - Bi, bình thủy tinh, khung treo, thiết bị bắt lửa, nhiệt độ thủy tinh, bật lửa, tủ sấy, giá quay, cân phân tích,	

STT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng	Thiết bị	Thí nghiệm viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
			khuôn, bình	
<b>THỬ CƠ LÝ VẬT LIỆU SẢN XUẤT BÊ TÔNG NHỰA</b>				
114	Thành phần hạt, độ góc cạnh, độ hút nước, hàm lượng vật liệu nhỏ hơn 0,075 mm, hàm lượng sét cục và hạt mềm yếu, tỷ trọng khối	AASHTO T27; TCVN 11807:17; AASHTO T85; AASHTO T11; AASHTO T112	Bộ sàng kỹ thuật, cân kỹ thuật, giỏ đựng mẫu, thùng chứa nước, dụng cụ treo giỏ mẫu, thùng đong, phễu, giá đỡ, tấm kính, khay, thanh gạt, tủ sấy	Trần Quang Thanh, Nguyễn Duy Hà, Lê Đình Minh, Luu Kim Trường, Nguyễn Anh Tú
<b>THỬ CƠ LÝ BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA</b>				
115	Thành phần hạt, độ ẩm, chỉ số dẻo, khối lượng riêng, hệ số thích nước	TCVN 12884:2020; TCVN 4197:2012	Bình tỷ trọng, tủ sấy, nhiệt độ, thiết bị nghiền đá, bình hút ẩm, bộ sàng tiêu chuẩn, cân phân tích, khay sấy, tấm kính nhám, ống đong thủy tinh, bếp đun, nước cất, dụng cụ quay đập Casagrande, tấm gạt, hộp giữ ẩm	Trần Quang Thanh, Nguyễn Duy Hà, Lê Đình Minh, Luu Kim Trường, Nguyễn Anh Tú
<b>THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG</b>				
116	Đo dung trọng, độ ẩm, độ chặt của đất bằng PP dao đai	TCVN 12791:2020	Cân chính xác 1g, sàng 5mm, dao gạt đất, dao đai, búa, bàn chải lông	Trần Quang Thanh, Nguyễn Duy Hà, Luu Kim Trường, Lê Đình Minh, Nguyễn Anh Tú
117	Độ ẩm, khối lượng thể tích, độ chặt của đất trong lớp kết cấu bằng PP rót cát	22TCN 346:2006	Bộ phễu rót cát, cân 15kg	
118	Đo độ bằng phẳng mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011	Bộ thước 3 mét	
119	Xác định Mô đun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp tấm ép cứng	TCVN 8861:2011	Bộ đo E bằng tấm ép cứng, đồng hồ so, cát sạch, thước nivo	
120	Xác định Mô đun biến dạng tại hiện trường qua tấm nén phẳng	TCVN 9354:2012	Tấm nén, thiết bị chất tải, kích thủy lực, thiết bị đo chuyển vị	

STT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng	Thiết bị	Thí nghiệm viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
121	Xác định Mô đun đàn hồi của áo đường bằng cân Benkelman	TCVN 8867:2011	Cân đo vồng Benkelman, đồng hồ so, kích thủy lực, tấm ép cứng	
122	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011	Bộ thử độ nhám, thước dài 500mm, cân kỹ thuật	
123	Súng bột nẩy để xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 9334:2012	Súng bột nẩy	
124	Đo điện trở tiếp địa (hệ thống nối đất, chống sét)	TCVN 9385:2012	Máy đo điện trở	
125	Cọc - PP thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012	Hệ giá tải gồm kích, bơm và hệ thống thủy lực, tấm đệm, dầm	
126	Vật liệu kim loại - ống - thử thủy lực	TCVN 1832:2008	Thiết bị bơm áp suất, đồng hồ đo áp	
<b>CÁU KIỆN ĐÚC SẴN</b>				
127	Cống hộp bê tông cốt thép: Xác định hình dạng kích thước khuyết tật ngoại quan, cường độ, độ thấm nước, khả năng chịu tải	TCVN 9116:2012	Thước đo, kính lúp, tấm thép, đồng hồ, matit, bitum, đất sét, thiết bị nén thủy lực	Trần Quang Thanh, Nguyễn Duy Hà, Luu Kim Trường, Lê Đình Minh, Nguyễn Anh Tú
128	Cống tròn bê tông cốt thép: Xác định hình dạng kích thước khuyết tật ngoại quan, cường độ, độ thấm nước, khả năng chịu tải	TCVN 9113:2012	Thước đo, kính lúp, tấm thép, đồng hồ, matit, bitum, đất sét, thiết bị nén thủy lực	
129	Gối công: Xác định kích thước hình học, khuyết tật ngoại quan, khả năng chịu tải, cường độ bê tông	TCVN 10799 : 2015	Thước đo, kính lúp, tấm thép, đồng hồ, thiết bị nén thủy lực	
130	Bó vĩa bê tông đúc sẵn: Xác định hình dạng kích thước khuyết tật ngoại quan, nứt bề mặt, khả năng chịu tải, cường độ bê tông	TCVN 10797:2015	Thước kẹp, thước thép, Máy khoan, kính lúp, thước eke, máy mài mòn, thiết bị nén thủy lực	
131	Cột điện bê tông cốt thép: Kiểm tra hình dạng kích thước khuyết tật	TCVN 5847:2016	Thước kẹp, thước lá, kính lúp, bộ căn lá thép, tời, lực kế,	

STT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng	Thiết bị	Thí nghiệm viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	ngoại quan, chiều dày lớp bê tông bảo vệ, cường độ bê tông, mô men uốn độ bền uốn và khả năng chịu tải, lực kéo đầu cột		gối tựa di động, bê ngàm, kính lúp	
132	Xác định cường độ kéo nhỏ vật liệu khoan cấy: Thép, bu lông, neo đá, neo đất	TCVN 8870:2011 ASTM D4435:2008 ASTM D4436:2004 ASTM E1512	Kích thủy lực bơm căng kéo	
<b>THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG, XÁC ĐỊNH THÀNH PHẦN CẤP PHỐI VỮA</b>				
133	Xác định kích thước cỡ hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022	Bộ sàng tiêu chuẩn, cân kỹ thuật, tủ sấy	Trần Quang Thanh, Nguyễn Duy Hà, Lê Đình Minh
134	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022	Cân kỹ thuật, thước kẹp, bàn dẫn, khâu hình côn	
135	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3121-6:2022	Cân kỹ thuật, bình đong	
136	Xác định thời gian bắt đầu đông kết	TCVN 3121-8:2022	Bộ thử thời gian đông kết của vữa, đồng hồ bấm giây, thùng dưỡng hộ mẫu	
137	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-9:2022	Cân kỹ thuật, tủ sấy, thước kẹp, cân thủy tĩnh	
138	Xác định cường độ uốn và cường độ nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:2022	Khuôn, chày đầm mẫu, tủ dưỡng hộ mẫu, tấm kính, máy thử uốn, máy nén	
139	Xác định cường độ bám dính của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-12:2022	Vòng hình nón cụt, tấm đầu kéo bám dính hình tròn bằng thép không gỉ, máy thử cường độ bám dính, tủ dưỡng hộ mẫu	
140	Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18:2022	Khay, bốn miếng đệm, đồng hồ bấm giây, cân kỹ thuật, tủ sấy, thùng lưu mẫu, khuôn kim loại	
141	Vữa chèn cấp DUL: Độ vón cục; độ chảy, độ lan	TCVN 11971:2018	Sàng có kích thước lỗ 2mm, ống đong,	

STT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng	Thiết bị	Thí nghiệm viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	tỏa, độ tách nước và thay đổi thể tích, đông kết, cường độ nén		côn, đồng hồ bấm giây, nhiệt kế, tấm phẳng, ống hình trụ bằng nhựa, thước đo chiều dài, bể ngâm mẫu, máy trộn, khuôn, thiết bị dẫn, máy nén	
142	Vữa khô trộn sẵn: Xác định độ chảy, độ tách nước, cường độ nén, chiều cao cột vữa, thay đổi chiều dài vữa đóng rắn	TCVN 9204:2012	Máy trộn vữa, nhót kế, tấm đáy, thùng kim loại, cân kỹ thuật, nắp đậy bằng kính, khuôn 40x40x160mm, chày đâm mẫu, thùng dưỡng hộ mẫu, máy nén, khuôn hình trụ, đồng hồ đo, tấm tôn, khuôn mẫu	Trần Quang Thanh, Nguyễn Duy Hà, Luu Kim Trường
<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH ĐÁT SÉT NUNG</b>				
143	Xác định kích thước khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009	Thước đo có độ chính xác tới 0,1 mm	Trần Quang Thanh, Nguyễn Duy Hà
144	Xác định cường độ chịu nén	TCVN 6355-2:2009	Máy nén thủy lực, máy cắt mẫu, bay, chảo để trộn vữa xi măng	
145	Xác định cường độ chịu uốn	TCVN 6355-3:2009	Máy nén thủy lực, bộ gối uốn	
146	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009	Cân kỹ thuật, tủ sấy, thùng ngâm mẫu	
147	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009	Cân kỹ thuật	
148	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009	Cân kỹ thuật, thùng chứa	
149	Xác định vết tróc do vôi	TCVN 6355-7:2009	Thước đo thùng giữ ẩm có nắp đậy	
150	Xác định sự thoát muối	TCVN 6355-8:2009	Tủ sấy, khay chứa nước	
151	Gạch bê tông tự chèn: Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan, xác định cường độ bền nén, độ hút nước, độ mài	TCVN 6476:1999	Thước lá chính xác 1mm, tủ sấy, cân kỹ thuật, máy mài mòn, thước kẹp, máy nén, miếng	

STT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng	Thiết bị	Thí nghiệm viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	mòn		kính	
152	Gạch bê tông: Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan, xác định cường độ bền nén, độ hút nước, độ rỗng, khối lượng viên gạch, độ thấm nước	TCVN 6477:2016	Thước lá, thước kẹp, tủ sấy, cân kỹ thuật chính xác 1g, thiết bị thử độ thấm nước, ống đo nước có vạch, khay chứa mẫu thử, máy nén	
153	Gạch Terrazzo: Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan, cường độ uốn uốn, độ hút nước, độ mài mòn	TCVN 7744:2013	Thước đo, thước kẹp, bể ngâm mẫu, tủ sấy, cân kỹ thuật, máy mài mòn, máy nén thủy lực, bộ gối uốn	
<b>GẠCH ÓP LÁT</b>				
154	Xác định kích thước và chất lượng bề mặt	TCVN 6415-2:2016	Thước calip, thước panme, thước lá, đồng hồ đĩa số	
155	Xác định độ hút nước, độ xốp biểu kiến, khối lượng riêng tương đối và khối lượng thể tích	TCVN 6415-3:2016	Tủ sấy, cân kỹ thuật	
156	Xác định độ bền uốn và lực uốn gãy	TCVN 6415-4:2016	Máy thử uốn	
157	Xác định độ bền mài mòn sâu đối với gạch không phủ men	TCVN 6415-6:2016	Máy mài mòn, thước đo	
158	Xác định độ bền mài mòn bề mặt đối với gạch phủ men	TCVN 6415-7:2016	Máy mài mòn, thước đo	Trần Quang Thanh, Nguyễn Duy Hà, Luu Kim Trường
159	Xác định độ cứng bề mặt theo thang Mohs	TCVN 6415-18:2016	Bộ đo độ cứng thang Mohs	
160	Gạch Granit: Kiểm tra kích thước và chất lượng bề mặt, khối lượng riêng, khối lượng thể tích, cường độ bền uốn, độ hút nước, độ mài mòn sâu, độ mài mòn bề mặt, độ cứng bề mặt theo thang Mohs	TCVN 7745 : 2007	Thước đo, thước panme, đồng hồ, đĩa, tủ sấy, cân kỹ thuật, máy nén, uốn, máy mài mòn, bộ đo độ cứng thang Mohs	
<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐÁ ÓP LÁT</b>				
161	Đá ốp, lát tự nhiên: Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan,	TCVN 4732:2016	Thước kẹp, thước lá, cân kỹ thuật, máy mài mòn, bộ	Trần Quang Thanh, Nguyễn Duy Hà

STT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng	Thiết bị	Thí nghiệm viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	cường độ bền uốn, độ hút nước, khối lượng thể tích, độ mài mòn bề mặt, độ cứng bề mặt thang Mohs		đo độ cứng thang Mohs, máy nén	
162	Đá ốp, lát nhân tạo: Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan, độ bền uốn, độ hút nước, khối lượng thể tích, độ mài mòn sâu, độ cứng bề mặt thang Mohs	TCVN 8057:2009	Thước kẹp, thước lá, cân kỹ thuật, máy mài mòn, bộ đo độ cứng thang Mohs, máy nén	
<b>THỬ NGHIỆM NGÓI ĐÁT SÉT NUNG</b>				
163	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan; độ hút nước, lực uốn gãy, khối lượng 1m <sup>2</sup> ngói ở trạng thái bão hòa nước, độ thấm nước	TCVN 4313:2023; TCVN 1452:2023	Thước kẹp, thước lá, cân kỹ thuật, tủ sấy, bình hút ẩm, bình hút chân không, thùng ngâm mẫu, máy nén	Trần Quang Thanh, Nguyễn Duy Hà
<b>THỬ NGHIỆM NGÓI BÊ TÔNG - NGÓI XI MĂNG ÉP</b>				
164	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan, chiều dài treo và độ vuông góc, chiều rộng làm việc, độ phẳng mặt, khối lượng, lực uốn gãy, độ thấm nước, khả năng chống đỡ của vấu	TCVN 1453:2023; JIS A5402:2002	Giá treo bằng thép, đế đỡ ngói, tấm kim loại phẳng, thước đo khe hở, cân kỹ thuật, máy uốn, khung không thấm nước, gương, chất bịt kín, Thanh gỗ đỡ vấu, Miếng đệm bằng gỗ	Trần Quang Thanh, Nguyễn Duy Hà
<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ BENTONNITE</b>				
165	Xác định: Khối lượng riêng, độ nhớt, hàm lượng cát, tỷ lệ chất keo, lượng mất nước, độ dày áo sét, lực cắt tĩnh, tính ổn định, độ pH	TCVN 11893:2017	Cân tỷ trọng, phễu, đồng hồ bấm giây, thiết bị xác định hàm lượng cát, sàng, bút đo độ pH, ống đong 1000 ml, lực kế cắt tĩnh	Trần Quang Thanh, Nguyễn Duy Hà
<b>PHÂN TÍCH HÓA NƯỚC CHO XÂY DỰNG</b>				
166	Xác định hàm lượng cặn không tan, muối hoà tan	TCVN 4560:1988	Cân phân tích, tủ sấy, lò nung, bình hút ẩm, bát sứ, chén sứ, giấy lọc không tro, phễu lọc	Nguyễn Thị Hạnh

STT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng	Thiết bị	Thí nghiệm viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
167	Xác định độ pH	TCVN 6492:2011	Bút thử pH	
168	Xác định hàm lượng Ion clorua (Cl <sup>-</sup> )	TCVN 6194:1996	Phễu, cân phân tích, ống nghiệm, dung dịch hóa chất	
169	Xác định hàm lượng Ion sunfat (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> )	TCVN 6200:1996	Phễu, cân phân tích, ống nghiệm, dung dịch hóa chất	
170	Xác định hàm lượng chất hữu cơ	TCVN 6186:1996	Nồi cách thủy, ống nghiệm, bình đong, Pipet	
171	Xác định hàm lượng váng dầu mỡ, màu nước	TCVN 4506:2012	Quan sát bằng mắt	
<b>THỬ NGHIỆM PHỤ GIA HÓA HỌC CHO BÊ TÔNG</b>				
172	Lượng nước trộn tối đa, thời gian đông kết chênh lệch, cường độ nén, uốn tối thiểu, độ co ngót cứng, hàm lượng chất khô, khối lượng riêng, hàm lượng Ion clo, độ pH, hàm lượng tro	TCVN 8826:2011	Máy nén, hộp đựng mẫu có nắp, bình hút ẩm, pipet, tủ sấy, cát tiêu chuẩn, cân phân tích ống hình trụ, tỷ trọng kế, bình hút ẩm, bếp cách thủy, lò nung, cân phân tích, bút đo Ph, hóa chất, máy trộn bê tông, bộ dụng cụ đo độ sụt	Trần Quang Thanh, Nguyễn Thị Hạnh
173	Phụ gia SBS: Hình dạng, màu sắc, tỷ trọng, lượng tro còn lại sau khi nung, đột nhót	ASTM D792, ASTM D5667, ASTM D2196	Cân phân tích, lò nung, nhót kế, quan sát bằng mắt	
<b>BĂNG CẢN NƯỚC, VẬT LIỆU CHỐNG THẨM</b>				
174	Băng cản nước: Xác định khối lượng riêng, độ cứng Shore, cường độ chịu kéo, cường độ xé, độ dẫn dài	TCVN 9407:2014	Cân kỹ thuật, bình tỷ trọng, bể ổn nhiệt, nước cất, dụng cụ chế bị mẫu, Đồng hồ đo độ cứng Shore A, Máy kéo nén, thước kẹp điện tử	Trần Quang Thanh
<b>THỬ BỘT BẢ</b>				
175	Xác định: Khối lượng thể tích, độ mịn, thời gian đông kết, độ giữ nước, độ cứng bề mặt,	TCVN 7239:2014	Sàng (kích thước mắt 0,09 mm), cân kỹ thuật, tủ sấy, Dụng cụ Vica,	Trần Quang Thanh

STT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng	Thiết bị	Thí nghiệm viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	cường độ bám dính với nền của bột bả		chảo trộn, bay trộn hồ, đồng hồ bấm giây, máy trộn, ống đong có vạch chia, máy hút chân không, thiết bị thử cường độ, keo bám dính	
<b>THỬ NGHIỆM TẤM THẠCH CAO</b>				
176	Xác định kích thước, độ sâu của gờ vuốt thon và độ vuông góc của cạnh	TCVN 8257-1:2023	Thước đo chiều dài, thước kẹp điện tử, thước góc	Trần Quang Thanh
177	Xác định độ cứng của cạnh, gờ và lõi	TCVN 8257-2:2009	Cưa, dụng cụ kẹp mẫu, thước đo, thước kẹp điện tử	
178	Xác định cường độ chịu uốn	TCVN 8257-3:2023	Máy kéo nén, gối uốn, thước lá kim loại, thước cặp điện tử	
179	Xác định độ kháng nhỏ đinh	TCVN 8257-4:2023	Máy kéo nén, gối uốn, thước lá kim loại, thước kẹp điện tử, thước vuông góc, giá đỡ mẫu, đinh thử, máy khoan	
180	Xác định độ biến dạng ẩm	TCVN 8257-5:2023	Bình dưỡng mẫu, thước thép, đồng hồ đo biến dạng	
181	Xác định độ hút nước	TCVN 8257-6:2023	Cân kỹ thuật, tủ sấy, đĩa thủy tinh, khăn giấy	
182	Xác định độ hấp thụ nước bề mặt	TCVN 8257-7:2023	Cân kỹ thuật	
<b>THỬ NGHIỆM ỐNG NHỰA VÀ PHỤ KIỆN</b>				
183	Xác định chiều dày	TCVN 6141:2003; DIN8074:2008; DIN 8077:2008; DIN 8078:2008	Thước cặp điện tử, thước thép	Trần Quang Thanh
184	Xác định kích thước	TCVN 6145:2007; DIN 8074:2008; DIN 8077:2008; DIN 8078:2008	Thước cặp điện tử, thước thép	
185	Xác định nhiệt độ hóa mềm vicat	TCVN 6147:2003	Mũi kim loại, Micromet, đĩa đỡ	

STT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng	Thiết bị	Thí nghiệm viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
			tải trọng	
186	Sự thay đổi kích thước theo chiều dọc	TCVN 6148:2007	Bể chất lỏng, nhiệt kế	
187	Độ bền áp xuất	TCVN 6149:2007; DIN 8075:2008; DIN 8077:2008; DIN 8078:2008	Bể chứa, thiết bị tạo áp suất, thiết bị đo kích thước, thiết bị đo nhiệt độ, thiết bị đo thời gian	
188	Độ kín khít	TCVN 6041:1995	Bể kín, đồng hồ đo áp suất	
189	Xác định độ bền kéo, dẫn dài	TCVN 7434:2004; KSC 8455:2005 DIN 8075:2008; DIN 8077:2008; DIN 8078:2008	Máy thử kéo nén, thước cặp điện tử, thước thép	
190	Xác định độ bền va đập bên ngoài	TCVN 6144:2003	Thiết bị thử va đập, quả tải, giá đỡ mẫu thử	
191	Độ cứng vòng	TCVN 8850:2011	Máy thử kéo nén, thước cặp điện tử	
192	Độ đàn hồi vòng	TCVN 8851:2011; TCVN 8492:2011	Máy thử kéo nén, thước cặp điện tử, thước thép	
193	Độ bền chịu nén	TCVN 9070:2012; TCVN 8699:2011; TCVN 7997:2009	Máy thử nén	
194	Thử khả năng khó cháy của ống nhựa	TCVN 8699:2011; TCVN 7997:2009; KSC 8455:2005	Buồng đốt, vòi đốt	
195	Độ bền màu, độ bền hoá, bền điện áp	TCVN 9070:2012; TCVN 8699:2011; KSC8455:2005	Hóa chất, cân kỹ thuật, nguồn điện áp	
196	Độ biến dạng không vỡ, độ hấp thụ nước	TCVN 8699:2011	Máy thử nén, tủ sấy, cân kỹ thuật	
197	Độ cứng	TCVN 4502: 2008	Thiết bị đo độ cứng Shore A	
198	Độ oval	TCVN 7305-2:2008	Thước kẹp	
199	Khối lượng riêng	TCVN 4504:1988	Cân phân tích, thước cặp điện tử	
<b>THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GỖ</b>				
200	Xác định độ ẩm	TCVN 13707-1:2023	Cân kỹ thuật, tủ sấy, bình hút ẩm	Nguyễn Văn Hưng
201	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 13707-2:2023	Cân kỹ thuật, tủ sấy, thước cặp điện tử	

STT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng	Thiết bị	Thí nghiệm viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
202	Xác định độ bền uốn tĩnh	TCVN 13707-3:2023	Máy thử kéo nén, thước cặp điện tử	
203	Xác định mô đun đàn hồi uốn tĩnh	TCVN 13707-4:2023	Máy thử kéo nén, tấm chịu tải, gối đỡ, thước đo, cân kỹ thuật	
204	Thử nghiệm nén vuông góc với thớ	TCVN 13707-5:2023	Máy thử kéo nén, thước cặp điện tử	
205	Xác định ứng suất kéo song song thớ	TCVN 13707-6:2023	Máy thử kéo nén, thước cặp điện tử	
206	Xác định ứng suất kéo vuông góc với thớ	TCVN 13707-7:2023	Máy thử kéo nén, thước cặp điện tử	
<b>THỬ NGHIỆM VÁN GỖ</b>				
207	Xác định kích thước, độ vuông góc và độ thẳng cạnh	TCVN 11904:2017	Panme, thước đo góc vuông, thước thẳng, thước cặp điện tử	Nguyễn Văn Hưng
208	Xác định độ ẩm	TCVN 11905:2017	Cân kỹ thuật, tủ sấy, bình hút ẩm	
209	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 7756-4:2007	Thước cặp, thước thẳng, cân phân tích	
210	Xác định độ trương nở chiều dày sau khi ngâm trong nước	TCVN 12445:2018	Thước cặp điện tử, bể ổn nhiệt	
211	Xác định mô đun đàn hồi khi uốn tĩnh và độ bền uốn tĩnh	TCVN 12446:2018	Thước cặp điện tử, thước thẳng, cân phân tích	
212	Xác định độ bền kéo vuông góc với mặt ván	TCVN 12447:2018	Thước cặp điện tử, máy thử kéo	
213	Chất lượng dán dính của ván	TCVN 7756-9: 2007	Thùng nước, tủ sấy, dụng cụ đo chiều dài, kính lúp, máy kéo	
214	Xác định độ bền bề mặt	TCVN 11906:2017	Dụng cụ phay cắt mẫu, tấm đệm thép, khung định tâm, khớp nối	
215	Xác định lực bám giữ đinh vít	TCVN 11907:2017	Máy thử kéo, thước cặp điện tử	
216	Khối lượng riêng	TCVN 5694:2014	Tủ sấy, thước cặp, cân phân tích	
217	Độ bền uốn sau khi ngâm trong nước ở nhiệt	TCVN 12444:2018	Bể ổn nhiệt, máy thử uốn	

STT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng	Thiết bị	Thí nghiệm viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	độ 70°C hoặc 100°C			
218	Độ trương nở dày	TCVN 11950:2018	Thước cặp điện tử, bể ổn định nhiệt	
219	Xác định đặc trưng hình học	TCVN 11945-1:2018	Thước cặp điện tử, thước vuông, thước lá	
220	Gỗ ghép thanh bằng keo: Xác định kích thước, độ ẩm, khối lượng riêng, độ bền kéo và nén dọc thớ, độ bền kéo và nén ngang thớ	TCVN 8574:2010	Thước lá, thước kẹp, máy kéo nén đa năng, bộ gối uốn, cân kỹ thuật, tủ sấy	Nguyễn Văn Hưng
<b>THÍ NGHIỆM SƠN, SƠN TƯỜNG DẠNG NHỮ</b>				
221	Xác định trạng thái sơn trong thùng chứa, đặc tính thi công, độ ổn định ở nhiệt độ thấp và ngoại quan màng sơn	TCVN 8653-1:2024	Chổi quét sơn, bình đựng bằng thủy tinh, tủ lạnh	
222	Xác định thời gian khô	TCVN 2096:2015	Đĩa phẳng, quả cân, đồng hồ bấm giờ	
223	Xác định độ mịn	TCVN 2091:2015	Thước đo độ mịn	
224	Xác định độ bám dính	TCVN 2097:2015	Dao cắt, kính lúp	
225	Xác định độ phủ	TCVN 2095:1993	Tấm kính, cân phân tích	
226	Sơn bảo vệ cốt thép: Màu sắc, độ nhớt, hàm lượng phân khô, độ mịn, thời gian khô, độ cứng màng sơn, độ bền uốn, độ bám dính, độ bền va đập	TCVN 8789:2011	Quan sát bằng mắt, phiếu, nhiệt kế, giá đỡ, ống nivo giọt nước, đồng hồ bấm giây, phòng điều hòa, đĩa kim loại, tủ sấy, cân phân tích, bình hút ẩm, thước đo, kính lúp, dao cắt, thiết bị thử tại trọng rơi, cốc thủy tinh	Trần Quang Thanh
227	Vật liệu kẻ đường phản quang nhiệt dẻo: Kiểm tra ngoại quan, kích thước, màu sắc, thời gian khô, cỡ hạt, độ tròn, tính chảy, độ dính bám, bị thủy tinh không bị khô, vón cục và hàm lượng hạt thủy tinh, độ	TCVN 8791:2011; ASTM D 4541; ASTM D6628; TCVN 2096:2015 TCVN 9880:2013	Thước đo độ dày, thước kẹp, thước lá, tấm thép, lò nung, cân phân tích, chén nung, bình hút ẩm, tủ sấy, kẹp gấp, khay nhôm và thìa lấy mẫu, cốc thủy tinh,	

STT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng	Thiết bị	Thí nghiệm viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	phát sáng, độ bền nhiệt, nhiệt độ hóa mềm, độ mài mòn, hệ số phản quang, độ kháng chảy, tỷ trọng, hàm lượng chất tạo màng, độ chống trượt, chiều dày màng sơn		bếp đun, phễu, hóa chất, bộ sàng tiêu chuẩn, máy khuấy, nhiệt kế, máy kiểm tra độ bám dính, bình đựng mẫu, bi thép hai viên bi, máy thử mài mòn, bình tỷ trọng, nước	
228	Sơn tín hiệu giao thông - Sơn vạch đường hệ dung môi: Thời gian khô, độ bền uốn, độ bền va đập, độ chịu dầu, độ chịu muối, chịu nước, chịu kiềm, thời gian khô, độ bám dính	TCVN 8787: 2011	Bàn chải mềm, đĩa, chổi quét, bitum, khuôn kim loại, băng dính, bếp điện, thước đo, phễu, giá đỡ, dầu diesel, giấy thấm, tấm nền kim loại, dung dịch, nước sạch, hóa chất	
229	Sơn epoxy: Xác định độ ổn định trong thùng chứa, tính đồng nhất, độ mịn, thời gian khô, khả năng thi công, bề ngoài màng sơn, thời gian sống	TCVN 9014:2011	Dụng cụ khuấy, cân kỹ thuật, cốc bằng kim loại, thước đo, đồng hồ bấm giờ, quan sát mắt thường, tấm thử, thiết bị thử tải trọng rơi, ống định hướng, gói truyền va đập, giá đỡ tấm thử	
<b>THỬ NGHIỆM KÍNH XÂY DỰNG</b>				
230	Kính xây dựng: Xác định độ sai lệch chiều dày kích thước, khuyết tật ngoại quan, độ cong vênh, độ bền va đập và phá vỡ mẫu.	TCVN 7219:2018; TCVN 7364:2018; TCVN 7368:2013; TCVN 7455:2013	Thước lá, thước cặp điện tử, khung thử va đập bi rơi, bi thép, búa, đục	Trần Quang Thanh
<b>THỬ VẢI ĐỊA KỸ THUẬT, BÁC THẨM, VỎ BỌC BÁC THẨM, GIẤY DẦU</b>				
231	Xác định độ dày tiêu chuẩn	TCVN 8220:2009; ASTM D5199:19	Dụng cụ đo độ dày và đồng hồ so, thước cặp điện tử	
232	Xác định khối lượng trên đơn vị diện tích	ASTM D3776; ASTM D5261; TCVN 8221:2009; TCVN 8042:2009	Cân kỹ thuật, thước lá kim loại	Trần Quang Thanh

STT	Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng	Thiết bị	Thí nghiệm viên	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	
233	Cường độ chịu kéo, độ giãn dài	ASTM D2523; ASTM D4595; TCVN 8485:2010	Máy thử kéo nén, thiết bị đo giãn dài		
234	Xác định kích thước lỗ	ASTM D4751; TCVN 8486: 2010	Máy lắc sàng, hạt thủy tinh		
235	Xác định độ thấm xuyên	TCVN 8487: 2010; ASTM D 4491:91	Thiết bị thử nghiệm thấm xuyên hình chữ U, đồng hồ bấm dây, cân kỹ thuật, nhiệt kế		
236	Cường độ bền chịu kéo giật, độ giãn dài	TCVN 8871-1:2011; ASTM D4632	Máy thử kéo nén, ngàm kẹp, dụng cụ đo kích thước, bể ngâm mẫu		
237	Cường độ xé rách hình thang	ASTM D 4533; TCVN 8871-2:2011	Máy thử kéo nén, ngàm kẹp, dụng cụ đo kích thước, bể ngâm mẫu		
238	Lực kháng xuyên thủng thanh	ASTM D 4833; ASTM E154; TCVN 8871-4:2011	Máy thử kéo nén, mũi xuyên, ngàm kẹp, dụng cụ đo kích thước, bể ngâm mẫu		
239	Xác định cường độ chịu kéo của mối nối	TCVN 9138:2012	Máy thử kéo, thước đo		
<b>THỬ NGHIỆM DÂY ĐIỆN, CÁP ĐIỆN, DÂY TÍN HIỆU</b>					
240	Xác định đường kính, số sợi, chiều dày của vỏ và ruột dẫn, chiều dày lớp cách điện	TCVN 6612:2007; TCVN 5935:2013; TCVN 6610:2014; TCVN 2103:1994	Thước kẹp điện tử		Trần Quang Thanh
241	Xác định độ bền kéo, độ giãn dài của vỏ và ruột dẫn, điện trở cách điện, điện trở ruột dẫn	TCVN 5935:2013; TCVN 6610:2014; TCVN 5936:1995; TCVN 2103:1994; TCVN 6614:2008	Máy đo điện trở, Máy thử kéo, thước đo		

## II. CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 819 CAM KẾT:

- Thông tin cung cấp đầy đủ, trung thực, chính xác;
- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung công bố;
- Cập nhật khi có thay đổi theo quy định.

### CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 819



GIÁM ĐỐC  
HẠ BÁ CAM

### III. DANH MỤC THIẾT BỊ ĐỂ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM

(Kèm theo quyết định số: 18/QĐ/CBNL-819, ngày 14/04/2026 của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng 819)

STT	Tên thiết bị	Hãng/ Nước sản xuất	Năm sản xuất	Model	Serial	Tình trạng hiệu chuẩn	Ghi chú
<b>I. Thiết bị chính</b>							
1	Máy thử độ bền kéo nén uốn	Trung Quốc	2015	WA-1000B	2408965	Còn hiệu chuẩn	
2	Máy thử độ bền nén	Trung Quốc	2016	TYA-2000	137	Còn hiệu chuẩn	
3	Tủ sấy	Trung Quốc	2010	101-1A	31480	Còn hiệu chuẩn	
4	Bể ổn nhiệt	Trung Quốc	2023	CF-B	231247	Còn hiệu chuẩn	
5	Máy nén Marshall	Trung Quốc	2022	LWD-3	2204163	Còn hiệu chuẩn	
6	Máy ly tâm chiết nhựa	Trung Quốc	2015	SLF-400	150703	Còn hiệu chuẩn	
7	Cân đo Benkelman	Việt Nam		BKM-819	BKM-819	Còn hiệu chuẩn	
8	Máy mài mòn Los Angeles	Trung Quốc	2015	MH-II	0559	Còn hiệu chuẩn	
9	Cân điện tử 3200g	Mỹ	2022	VB-3202B	S202205 9106	Còn hiệu chuẩn	
10	Cân điện tử 15kg	Mỹ	2020	BC15	8025200 088	Còn hiệu chuẩn	
11	Thiết bị bắt lửa	Trung Quốc	2010	STLR-3	1008	Còn hiệu chuẩn	
12	Thiết bị đo hóa mềm	Trung Quốc	2014	STLL-3	100408	Còn hiệu chuẩn	
13	Lò nung	Trung Quốc	2024	SX2-4-10	22463	Còn hiệu chuẩn	
14	Máy cắt đất	Trung Quốc	2009	ZJ	163	Còn hiệu chuẩn	
15	Máy nén tam liên	Trung Quốc	2010	WG	176	Còn hiệu chuẩn	
16	Máy CBR	Trung Quốc	2023	CBR-II	2312077	Còn hiệu chuẩn	
17	Máy đầm CBR, Proctor tự động	Trung Quốc	2014	JZ-2D	14112	Còn hiệu chuẩn	
18	Máy mài mòn sâu	Việt Nam	2024	TA-75	24010	Còn hiệu chuẩn	
19	Máy mài mòn bề mặt	Việt Nam	2024	LM-8	21031	Còn hiệu chuẩn	

20	Máy mài mòn đá tự nhiên	Việt Nam	2024	SM-4	202226	Còn hiệu chuẩn	
21	Máy kiểm tra kéo, nén, uốn đa năng	Trung Quốc	2024	WDW-100A	2401032	Còn hiệu chuẩn	
22	Máy thử thấm bê tông	Trung Quốc	2010	HS-40	10530	Còn hiệu chuẩn	
23	Máy thử độ bền kéo, nén, uốn	Trung Quốc	2010	WE-1000B	030	Còn hiệu chuẩn	
24	Máy thử độ bền nén	Trung Quốc	2010	TYE-2000	015	Còn hiệu chuẩn	
25	Máy đo điện trở	Nhật bản		Kyoritsu 4102A	W8125645	Còn hiệu chuẩn	
26	Thiết bị đo chiều dày lớp phủ	Trung Quốc		TG-8829FN	N971702	Còn hiệu chuẩn	
27	Súng bột nầy	Trung Quốc	2009	MC	1092	Còn hiệu chuẩn	
28	Gông từ kiểm tra khuyết tật môi hàn	Trung Quốc	2023	Y-2	2312061	Còn hiệu chuẩn	
29	Đồng hồ so	Trung Quốc		SHAN	J 28015	Còn hiệu chuẩn	
30	Đồng hồ so	Trung Quốc		SHAN	I 207288	Còn hiệu chuẩn	
31	Đồng hồ so	Trung Quốc		SHAN	J 30643	Còn hiệu chuẩn	
32	Cân phân tích điện tử PA214 (210gx0,0001mg)	Mỹ		PA214-819	C1-819	Còn hiệu chuẩn	
33	Thiết bị kiểm tra lực cắt tĩnh của Bentonite	Trung Quốc	2026	MK-QL	3254	Còn hiệu chuẩn	
34	Thiết bị kiểm tra độ mất nước và chiều dày áo sét của Bentonite	Trung Quốc	2025	ZNS-2A	2591	Còn hiệu chuẩn	
35	Bộ kích thủy lực (thiết bị kéo neo, thử tải...)	Trung Quốc	2015	SHENKE	2604	Còn hiệu chuẩn	

<b>II. Thiết bị và dụng cụ thí nghiệm khác</b>							
1	Gối uốn vữa, xi măng	Việt Nam				Còn tốt	
2	Gối nén vữa, xi măng	Việt Nam				Còn tốt	
3	Côn thử độ sụt bê tông	Việt Nam				Còn tốt	
4	Khuôn trụ 15x30mm	Việt Nam				Còn tốt	
5	Khuôn lập phương 15x15x15cm	Việt Nam				Còn tốt	
6	Khuôn đúc mẫu vữa xây trát 40x40x160mm	Việt Nam				Còn tốt	
7	Dụng cụ VICA	Việt Nam				Còn tốt	
8	Thùng hấp mẫu xi măng	Việt Nam				Còn tốt	
9	Khuôn uốn xi măng 40x40x160 kép 3	Việt Nam				Còn tốt	
10	Khuôn xi măng Le Chaterlier	Việt Nam				Còn tốt	
11	Bình tỷ trọng xi măng	Việt Nam				Còn tốt	
12	Sàng độ mịn xi măng 0,45mm	Việt Nam				Còn tốt	
13	Bàn dẫn vữa xi măng	Việt Nam				Còn tốt	
14	Thiết bị chảy casagrande	Việt Nam				Còn tốt	
15	Bộ thí nghiệm giới hạn dẻo của đất	Việt Nam				Còn tốt	
16	Bình tỷ trọng đất 100cc	Việt Nam				Còn tốt	
17	Bộ xi lanh nén đập đá D75, D150	Việt Nam				Còn tốt	
18	Thiết bị xác định hàm lượng sét của đá (Bình rửa đá)	Việt Nam				Còn tốt	
19	Thiết bị xác định hàm lượng sét của cát (Bình rửa cát)	Việt Nam				Còn tốt	
20	Protor cải tiến: cối TS195 + chày	Việt Nam				Việt Nam	
21	Bộ cối, chày đầm cát	Việt Nam				Việt Nam	

22	Khuôn CBR	Việt Nam				Còn tốt	
23	Ổng đong 100, 250, 500, 1000ml	Việt Nam				Còn tốt	
24	Thiết bị kiểm tra bentonite hiện trường	Trung Quốc				Còn tốt	
25	Gối uốn gạch, đá	Việt Nam				Còn tốt	
26	Thước kẹp điện tử	Việt Nam				Còn tốt	
27	Thước kẹp kiểm tra thoi dẹt	Việt Nam				Còn tốt	
28	Bộ phễu rót cát	Việt Nam				Còn tốt	
29	Bộ dao vòng lấy mẫu đất	Việt Nam				Còn tốt	
30	Khuôn Marshall	Việt Nam				Còn tốt	
31	Máy khoan rút lõi	Việt Nam				Còn tốt	
32	Thước đo độ bằng phẳng 3m	Việt Nam				Còn tốt	
33	Nhiệt kế thủy tinh 0-100 °C	Việt Nam				Còn tốt	
34	Nhiệt kế thủy tinh 0-300 °C	Việt Nam				Còn tốt	
35	Giá uốn mẫu bê tông	Việt Nam				Còn tốt	
36	Giá đầm mẫu BTN	Việt Nam				Còn tốt	
37	Kích thủy lực	Việt Nam				Còn tốt	
38	Bộ đầm marsall bằng tay	Việt Nam				Còn tốt	
39	Thiết bị đo độ cứng thang Mosh	Trung Quốc				Còn tốt	
40	Đồng hồ đo độ cứng (Shore A)	Trung Quốc				Còn tốt	
41	Máy phát điện	Việt Nam				Còn tốt	
42	Búa cao su	Việt Nam				Còn tốt	
43	Nhiệt kế thép 250 °C	Việt Nam				Còn tốt	
44	Bộ sàng đất dk200mm bao gồm: 40; 20; 20; 10; 5; 1; 0,5; 0,25; 0,1	Việt Nam				Còn tốt	

	đáy+nắp						
45	Bộ sàng cát đk200mm bao gồm: 5; 2,5; 1,25; 0,63; 0,315; 0,14; đáy+nắp	Việt Nam				Còn tốt	
46	Bộ sàng đá đk200mm bao gồm: 70; 40; 20; 10; 5; đáy+nắp	Việt Nam				Còn tốt	
47	Bộ sàng đá cấp phối đk200mm gồm: 37,5; 25; 12,5; 4,75; 2,0; 0,425; 0,075; đáy+nắp - TQ	Việt Nam				Còn tốt	
48	Bộ sàng cốt liệu BTN đk200mm bao gồm: 37,5; 25; 20; 19; 12,5; 9,5; 4,75; 2,36; 1,18; 0,6; 0,3; 0,15; 0,075; đáy+nắp	Việt Nam				Còn tốt	
49	Dụng dịch.hóa chất	Việt Nam				Còn tốt	
50	Bút đo pH của nước	Việt Nam				Còn tốt	
51	Bình đong dung tích 100ml	Việt Nam				Còn tốt	
52	Bình định mức dung tích 1000ml	Việt Nam				Còn tốt	
53	Phễu thủy tinh	Việt Nam				Còn tốt	
54	Bình Le chaterlie	Việt Nam				Còn tốt	
55	Khay đựng mẫu	Việt Nam				Còn tốt	
56	Thước dây	Việt Nam				Còn tốt	
57	Thước góc	Việt Nam				Còn tốt	
58	Thước panme	Việt Nam				Còn tốt	
59	Thước lá	Việt Nam				Còn tốt	
60	Bát sứ, chày bọc cao su	Việt Nam				Còn tốt	
61	Bộ ngàm kéo bulong	Việt Nam				Còn tốt	
62	Bình tam giác thủy tinh 250, 500, 1000ml	Việt Nam				Còn tốt	
63	Bình hút chân không	Việt Nam				Còn tốt	

64	Pipet	Việt Nam				Còn tốt	
65	Đũa thủy tinh	Việt Nam				Còn tốt	
66	Giấy quỳ tím	Việt Nam				Còn tốt	
67	Bếp ga	Việt Nam				Còn tốt	
68	Bếp cách thủy	Việt Nam				Còn tốt	
69	Giấy thấm	Việt Nam				Còn tốt	
70	Bát sứ	Việt Nam				Còn tốt	
71	Chén sứ	Việt Nam				Còn tốt	
72	Ống đong dung tích thủy tinh	Việt Nam				Còn tốt	
73	Đồng hồ bấm giây	Việt Nam				Còn tốt	
74	Bình hút ẩm	Việt Nam				Còn tốt	
75	Hộp giữ ẩm	Việt Nam				Còn tốt	
76	Máy trộn bê tông và vữa	Trung Quốc				Còn tốt	
77	Máy lọc sàng	Trung Quốc				Còn tốt	
78	Thiết bị kích mẫu	Việt Nam				Còn tốt	
79	Máy gia công thép	Việt Nam				Còn tốt	
80	Bộ thiết bị tấm ép cứng	Việt Nam				Còn tốt	
81	Bộ gá ép chẻ	Việt Nam				Còn tốt	
82	Bơm tạo áp lực đường ống	Việt Nam				Còn tốt	
83	Khung thử tải ống công và nắp ga	Việt Nam				Còn tốt	
84	Khung thử va đập kính, ống nhựa	Việt Nam				Còn tốt	
85	Khuôn cửa để lắp đặt mẫu	Việt Nam				Còn tốt	
86	Khung thử tải của khung xương thạch cao	Việt Nam				Còn tốt	

87	Bộ gồi uốn thạch cao	Việt Nam				Còn tốt	
88	Bàn rung	Việt Nam				Còn tốt	
89	Khuôn bê tông 20x20x20cm	Việt Nam				Còn tốt	
90	Cát tiêu chuẩn	Việt Nam				Còn tốt	
91	Mũi khoan rút lõi D75, D110, D150	Việt Nam				Còn tốt	
92	Bộ thiết bị đo nhám	Việt Nam				Còn tốt	
93	Kính nhám	Việt Nam				Còn tốt	
94	Đế chụp capping mẫu trụ	Việt Nam				Còn tốt	
95	Bộ gồi uốn gỗ	Việt Nam				Còn tốt	
96	Kính lúp	Việt Nam				Còn tốt	
97	Bộ ép chế mẫu	Việt Nam				Còn tốt	
98	Khuôn thấm 15x15cm	Việt Nam				Còn tốt	

**IV. DANH SÁCH NHÂN SỰ ĐỂ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM**  
(Kèm theo quyết định số: 18/QĐ/CBNL-819, ngày 14/04/2026 của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng 819)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ/ Văn bằng, chứng chỉ	Vị trí/ Chức vụ	Hợp đồng lao động	Ghi chú
1	Hoàng Kim Khánh	25/08/1990	Kỹ sư công nghệ kỹ thuật giao thông/ Quản lý Phòng thí nghiệm	Trưởng phòng thí nghiệm	Số: 01/HĐLĐ/819 Ngày 06/04/2026	
2	Lê Đình Minh	29/12/1990	Thí nghiệm viên kiểm tra chất lượng công trình giao thông	Thí nghiệm viên	Số: 02/HĐLĐ/819 Ngày 06/04/2026	
3	Nguyễn Anh Tú	07/05/1993	Thí nghiệm viên xây dựng công trình giao thông	Thí nghiệm viên	Số: 03/HĐLĐ/819 Ngày 06/04/2026	
4	Trần Quang Thanh	13/04/1993	Cao đẳng công nghệ kỹ thuật vật liệu xây dựng; Thí nghiệm viên độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc; Kiểm tra chất lượng môi hàn bằng phương pháp siêu âm	Thí nghiệm viên	Số: 04/HĐLĐ/819 Ngày 06/04/2026	
5	Lưu Kim Trường	05/01/1984	Thí nghiệm viên kiểm tra chất lượng công trình giao thông	Thí nghiệm viên	Số: 05/HĐLĐ/819 Ngày 06/04/2026	
6	Nguyễn Văn Hưng	07/07/1983	Chứng chỉ thí nghiệm viên Gỗ xây dựng	Thí nghiệm viên	Số: 06/HĐLĐ/819 Ngày 06/04/2026	
7	Nguyễn Thị Hạnh	23/02/1988	CD công nghiệp hóa chất	Thí nghiệm viên	Số: 07/HĐLĐ/819 Ngày 06/04/2026	
8	Nguyễn Duy Hà	01/06/1973	Bằng nghề thí nghiệm vật liệu đường bộ	Thí nghiệm viên	Số: 08/HĐLĐ/819 Ngày 06/04/2026	

**V. CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 819 CAM KẾT:**

- Thiết bị thí nghiệm đáp ứng yêu cầu để thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm đã công bố;
- Thiết bị được kiểm định/hiệu chuẩn theo quy định (nếu thuộc đối tượng phải hiệu chuẩn);
- Thí nghiệm viên có trình độ chuyên môn phù hợp với lĩnh vực thí nghiệm;
- Thí nghiệm viên được bố trí thực hiện đúng các chỉ tiêu thí nghiệm đã công bố;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính phù hợp của thiết bị và năng lực của thí nghiệm viên tham gia hoạt động thí nghiệm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
XÂY DỰNG 819**



*Hà Bá Cam*

**GIÁM ĐỐC  
HẠ BÁ CAM**

**DANH MỤC TRẠM THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG ĐANG HOẠT ĐỘNG  
TRỰC THUỘC CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ XÂY DỰNG 819**

(Kèm theo quyết định số: 18/QĐ/CBNL-819 ngày 14 tháng 04 năm 2026 của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng 819)

1	Trạm thí nghiệm hiện trường tại Tỉnh Thái Nguyên	Địa chỉ: Đường Tô Ngọc Vân, Phường Phan Đình Phùng, Tỉnh Thái Nguyên
---	--	--

Hà Nội, ngày 14 tháng 04 năm 2026

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
XÂY DỰNG 819**



**GIÁM ĐỐC  
HẠ BÁ CAM**